TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Thanh Hải.

2. Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2017/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Vũ L, sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu vực 1, khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 22 tháng 5 năm 2017 nguyên đơn anh Trần Vũ L trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Đ kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên hôn nhân không đạt được hạnh phúc. Hiện tại vợ chồng đã ly thân được 02 tháng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Đ.

Về nuôi con chung: Anh và chị Đ có 01 người con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 11/9/2014, hiện con đang sống chung với chị Đ. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, anh không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Anh và chị Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 03 tháng 7 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Phạm Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Vũ L kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn như anh L trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng, cũng có cự cãi nhưng chỉ là cãi vã thường ngày chứ không có xung đột gì nghiêm trọng. Khi chị mang thai thì anh L kêu phá thai, gia đình bên chồng cũng đồng ý. Sau khi phá thai thì chị xin phép gia đình bên chồng về bên nhà gia đình mẹ ruột nghỉ dưỡng. Được 01 tháng thì anh L đến và nói muốn ly hôn với chị. Nay anh L yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về nuôi con chung: Chị và anh L có 01 người con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày 11/9/2014, hiện con đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra Quyết định cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Trần Vũ L và chị Phạm Thị Đ tìm hiểu và kết hôn năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, theo giấy chứng nhận kết hôn số 131 năm 2013 đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Anh L nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn, chị Đ đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của anh L và chị Đlà có xảy ra. Giữa anh chị thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L và chị Đ.

[2] Về nuôi con chung: Gồm 01 người, tên Trần Bảo N, sinh ngày 11/9/2014. Hiện cháu đang sống cùng chị Đ. Sau khi ly hôn anh L và chị Đ đều có nguyện vọng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu Ngọc dưới 36 tháng tuổi cần được sự chăm sóc, nuôi dưỡng từ người mẹ và chị Đ có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu N nên căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử quyết định để chị Phạm Thị Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N sinh

ngày 11 tháng 9 năm 2014. Anh L không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu để cháu N được phát triển bình thường cần buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 650.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm Đkhi cháu N đủ 18 tuổi. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[3] Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh Trần Vũ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Vũ L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013632 ngày 22/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Vũ L phải chịu 300.000 đồng.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Vũ L và chị Phạm Thị Đ.

2. Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N, sinh ngày 11/9/2014. Anh Trần Vũ L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N với số tiền 650.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 23/8/2017 đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh Trần Vũ L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con để gây ảnh hưởng Đviệc nuôi con của chị Phạm Thị Đ.

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm anh Trần Vũ L phải chịu 300.000 đồng. Anh Trần Vũ L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013632 ngày 22/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Trần Vũ L phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương